

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Công văn số 1028/TCKH ngày 12/12/2018 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

DVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2019														ĐVT: triệu đồng						
		Tổng số	Chi GDDT&DN	Chi y tế	Chi Văn hóa thông tin	Chi phát thanh - truyền hình	Chi thể dục - thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Các hoạt động kinh tế				Chi hoạt động QLNN, Đảng, Đoàn thể			Chi bảo đảm xã hội	Chi quốc phòng	Chi an ninh	Chi khác			
									Tổng	Giao thông	N,L,TL, TS	Khác	Tổng	QLNN	Đảng					Tổ chức CTXH	Tổ chức XHNN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
	TỔNG SỐ	326.406	202.071	3.747	1.959	1.290	245	2.417	33.741	10.709	1.779	21.253	28.097	15.615	7.167	4.625	690	36.947	1.900	427	13.565	
1	Văn phòng HĐND&UBND	4.783							-				4.783	4.783								
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	930							330		330		600	600								
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	12.774						2.417	9.393			9.393	964	964								
4	Phòng Tư pháp	486							-				486	486								
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.327							-				1.207	1.207							120	
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo (bao gồm SNGD)	202.475	201.178						-				1.297	1.297								
7	Phòng Y tế	624							-				504	504					95		25	
8	Phòng Lao động - TB&XH	32.867							-				1.130	1.130			31.737					
9	Phòng Văn hóa và Thông tin	617							-				592	592							25	
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.822							870			870	952	952								
11	Phòng Dân tộc	549							-				385	385			164					
12	Phòng Nội vụ	1.455							-				1.435	1.435							20	
13	Thanh tra huyện	860							-				860	860								
14	Huyện ủy Cam Lâm	7.167							-				7.167		7.167							
15	Ủy ban Mặt trận TQVN	1.455							-				1.455			1.455						
16	Hội Cựu chiến binh	448							-				448			448						
17	Hội Nông dân (gồm có chi hỗ trợ Quỹ hỗ trợ nông dân)	1.199							-				899			899					300	
18	Hội Liên hiệp Phụ nữ	885							-				885			885						
19	Huyện đoàn	938							-				938			938						



STT	Tên đơn vị	Dự toán 2019																			
		Tổng số	Chi GDDT&DN	Chi y tế	Chi Văn hóa thông tin	Chi phát thanh - truyền hình	Chi thể dục - thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Các hoạt động kinh tế				Chi hoạt động QLNN, Đảng, Đoàn thể					Chi bảo đảm xã hội	Chi quốc phòng	Chi an ninh	Chi khác
									Tổng	Giao thông	N,L,TL, TS	Khác	Tổng	QLNN	Đảng	Tổ chức CTXH	Tổ chức XHNN				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
20	Hội Đồng y	107							-				82				82				25
21	Hội Chữ thập đỏ	277							-				157				157				120
22	Hội Người mù	182							-				182				182				
23	Hội Khuyến học	64							-				64				64				
24	Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	85							-				85				85				
25	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	893	893						-				-								
26	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	1.641			1.396		245		-				-								
27	Đài Truyền thanh - Truyền hình	1.290				1.290			-				-								
28	Nhà thiếu nhi Cam Lâm	563			563				-				-								
29	Trạm khuyến C-N-L-N	1.153							1.153		1.153		-								
30	BCH Quân sự huyện	1.805							-				-						1.805		
31	Công an huyện	427							-				-							427	
32	Ban An toàn giao thông	709							709	709			-								
33	Ban đại diện Hội Người cao tuổi	120							-				120				120				
34	Hội Từ chính trị, Ban liên lạc Sư đoàn 324 Cam Lâm, Hội Truyền thống KCCN	60							-				-								60
35	Bảo hiểm xã hội Cam Lâm	3.747		3.747					-				-								
36	Trung tâm phát triển quỹ đất	100							100			100	-								
37	Chi đầu tư cho đô thị loại V	10.000							10.000	10.000			-								
38	Chi trợ cấp BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội	2.725							-				-					2.725			
39	Chi lễ tết cho hộ nghèo	499							-				-					499			
40	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	1.173							-				-					1.173			
41	Chi các khoản thu hồi qua công tác thanh tra	80							-				-								80
42	Kinh phí bồi dưỡng cho thành viên kiêm nhiệm CTMTQG XDNTM theo CV 7254/UBND-KT	296							296		296		-								

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2019																			
		Tổng số	Chi GDDT&DN	Chi y tế	Chi Văn hóa thông tin	Chi phát thanh - truyền hình	Chi thể dục - thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Các hoạt động kinh tế				Chi hoạt động QLNN, Đảng, Đoàn thể			Chi bảo đảm xã hội	Chi quốc phòng	Chi an ninh	Chi khác		
									Tổng	Giao thông	N,L,TL, TS	Khác	Tổng	QLNN	Đảng					Tổ chức CTXH	Tổ chức XHNN
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
43	Cấp lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt cho Vùng 4 Hải quân	600							600			600	-								
44	Chi thường xuyên khác	24.149							10.290			10.290	420	420				649			12.790

lms

